TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA – LONG AN.

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ngọc Bột

2. Bà Phạm Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 54/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần T K A, sinh năm: 1990, địa chỉ: Xã Đ, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Phạm M P, sinh năm: 1991, địa chỉ: Xã L, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

(Bà K A có mặt, ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình hòa giải và tại phiên tòa bà Trần T K A trình bày:

Bà A và ông P cưới nhau từ năm 2017 và đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An vào năm 2017. Quá trình chung sống bà và ông P chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về việc bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Bà xét thấy vợ chồng

mâu thuẫn trầm trọng, bà không còn tình cảm với ông P nên Bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Con chung: Trong thời gian chung sống có một con chung tên Phạm M Đ, sinh ngày 16/9/2017 (giới tính: Nam), hiện nay do bà A nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Nay bà A yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà Trần T K A và ông Phạm M P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Trong quá trình hòa giải ông Phạm M P trình bày: Ông P xác định lời trình bày của bà Trần T K A là đúng về thời gian ông với bà A sống chung, đăng ký kết hôn. Ông P xác định tình cảm vợ chồng giữa ông với bà K A phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn lại được. Nhưng ông không đồng ý ly hôn. Nếu bà Trần T K A kiên quyết ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần T K A.

Con chung: trong thời gian chung sống có một con chung tên Phạm M Đ, sinh ngày 16/9/2017 (giới tính: Nam) hiện nay do bà Trần T K A nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay. Nay ông yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, ông không yêu cầu bà K A phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Ông Phạm M P không yêu cầu giải quyết mà để tự giải quyết với bà K A.

Nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm M P không có yêu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét bị đơn ông Phạm M P đã được tống đạt giấy báo tham gia phiên tòa 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Phạm M P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần T K A và ông Phạm M P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Đ, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Do đó, hôn nhân của bà A với ông P là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống do tính cách không hòa hợp nên bà A với ông P phát sinh mâu thuẫn không thể nào giải quyết được. Bà A xác định tình cảm vợ chồng của bà A với ông P là không còn và hiện nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà A yêu cầu được ly hôn với ông P vì mục đích hôn nhân không đạt được và bà xác định không muốn đoàn tụ với ông P.

Trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của bà Trần T K A tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà K A với ông P đã phát sinh thời gian dài, lặp đi, lặp lại. Các bên cũng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không có kết quả. Đồng thời, bà K A xác định hiện nay không còn tình cảm vợ chồng với ông P, không muốn sống chung với ông P cho thấy mâu thuẫn giữa bà K A với ông P đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân gia đình quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"* do đó bà K A yêu cầu ly hôn với ông P là hoàn toàn chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: bà A và ông P có 01 con chung là Phạm M Đ, sinh ngày 16/9/2017 giới tính: Nam). Xét thấy, Bà Trần T K A là người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm M Đ từ lúc ông P với bà K A sống ly thân cho đến nay. Đồng thời, cháu Đ sinh ngày 16/9/2017 chưa được 7 tuổi. Căn cứ vào Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 việc giao Phạm M Đ cho bà K A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với tâm sinh lý, sự phát triển toàn diện của trẻ và đảm bảo cho việc học tập của cháu Đ. Do đó Hội đồng xét xử quyết định giao Phạm M Đ cho bà K A trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bà K A với ông P ly hôn.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần T K A về việc không yêu cầu ông Phạm M P cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con và không trực tiếp nuôi con thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Ông Phạm M P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần T K A và ông Phạm M P không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau khi ly hôn các bên mới phát sinh tranh chấp thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án. Buộc bà Trần T K A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự số năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần T K A đối với ông Phạm M P.

1.1.Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần T K A được ly hôn với ông Phạm M P.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Phạm M Đ, sinh ngày 16/9/2017 (giới tình: Nam) cho bà Trần T K A nuôi dưỡng. Ông Phạm M P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110,116 Luật hôn nhân và gia đình.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí: Bà Trần T K A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0010675 ngày 22/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- UBND Đ, huyện Tân Thạnh, Long An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khởi